

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **55/2022/DS-ST**

Ngày: 08/8/2022

V/V tranh chấp “Hợp đồng dân sự”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Ngọc Trứ

Ông Đoàn Văn Phôi

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2021/TLST- DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng dân sự” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62b/2022/QĐXXST- DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: A;

Địa chỉ: Tầng 5, CR3-05A, 109 Tôn Dật Tiên, A1, Quận A2, thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện theo pháp luật: ông A3 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

Bà B, sinh năm 1981;

Ông C, sinh năm 1981;

Ông D, sinh năm 1980;

Địa chỉ: số 113/14B, đường số 11, khu phố 4, phường A6, thành phố A7, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: E, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp E1, xã E2, thị xã E3, tỉnh Tiền Giang.

(Bà B, ông C, ông D có mặt; ông E vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn A trình bày:

A với E có ký hợp đồng đại lý số SG2/PHL/HĐĐL/60008753 ngày 19/4/2017 và Hợp đồng quản lý đại lý số SG2/PHL/HĐĐL/60008753 ngày 19/4/2017. Theo hợp đồng đại lý thì ông E thực hiện các hoạt động đại lý bảo hiểm, giới thiệu sản phẩm bảo hiểm của công ty và chào bán các sản phẩm bảo hiểm của công ty cho các khách hàng tiềm năng, công ty sẽ chi trả cho ông E tiền hoa hồng căn cứ trên các sản phẩm bảo hiểm mà ông E bán được. Còn đối với Hợp đồng quản lý đại lý thì ông E sẽ thực hiện quản lý các hoạt động của các đại lý bảo hiểm bên dưới (trong đội nhóm dưới quyền của ông E) để hỗ trợ và đôn đốc các bạn đại lý bên dưới này thực hiện việc giới thiệu sản phẩm bảo hiểm của Công ty và chào bán các sản phẩm bảo hiểm của Công ty cho khách hàng tiềm năng, công ty sẽ chi trả cho ông E một khoảng tiền thưởng quản lý.

Vào ngày 19/4/2017 A và ông E ký Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho trưởng khu vực kinh doanh (DM) theo đó ông E sẽ nhận được khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt nếu đáp ứng được một số điều kiện kèm theo. Bản chất của Thỏa thuận hỗ trợ kinh doanh là một khoảng thưởng có điều kiện của công ty dành cho ông E. Lý do là ông E là người có kinh nghiệm hoạt động đại lý tốt ở Công ty bảo hiểm khác, nên A muốn thu hút nhân tài nên đã dành cho ông E sự đãi ngộ này. Tuy nhiên, đây là khoản tiền thưởng thêm có điều kiện và các điều kiện đã được hai bên đàm phán và cam kết rất rõ thể hiện trong các điều khoản của Bản thỏa thuận.

Ông E đã cộng tác với A trong khoảng thời gian từ 19/4/2017 đến 19/10/2018, trong khoảng thời gian này A đã chi trả cho ông E tính đến ngày 02/10/2017 tổng cộng 07 lần với số tiền tổng cộng là 406.248.273 đồng (trong đó tiền Hoa hồng và tiền thưởng quản lý là 196.248.273 đồng và khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt là 210.000.000 đồng). Từ tháng 10/2017 đến 10/2018 ông E đã không thực hiện được bất kỳ hoạt động đại lý nào cho công ty, cũng không bán được bất kỳ sản phẩm bảo hiểm nào, đồng thời không thực hiện hoạt động quản lý đội nhóm. Nên vào tháng 10/2018 Công ty đã đình chỉ hợp đồng đại lý với ông E bằng Thông báo đình chỉ Hợp đồng đại lý/Hợp đồng quản lý đại lý ngày 19/10/2018. Việc chấm dứt hợp đồng đại lý này của công ty đối với ông E là căn cứ vào điều kiện và điều khoản của hợp đồng đại lý bảo hiểm, cụ thể tại “Điều 16.1: Công ty có quyền chấm dứt HĐ đại lý bằng cách thông báo đến cho đại lý trước 30 ngày và Điều 16.2: Công ty có quyền chấm dứt Hợp đồng đại lý khi: Đại lý bảo hiểm không đáp ứng một hoặc các điều kiện duy trì hoạt động tư vấn bảo hiểm”. Căn cứ vào Quy chế của Công ty được thể hiện trong Hợp đồng đại lý/Hợp đồng quản lý đại lý của Công ty thì nếu một đại lý bảo hiểm bất kỳ mà trong 03 tháng liên tục không bán được 01 Hợp đồng bảo hiểm nào thì Công ty sẽ ra quyết định chấm dứt Hợp đồng đại lý. Căn cứ trên việc Hợp đồng đại lý bị chấm dứt vào tháng 10/2018, ông E đã không thỏa điều kiện để nhận khoản hỗ trợ tài chính đặc biệt. Tại mục 3 của bản Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho trưởng khu vực kinh doanh đã ký ngày 19/4/2017 quy định “Trong trường hợp Hợp đồng đại lý và/hoặc Hợp đồng Quản lý Đại lý chấm dứt hiệu lực vì bất kỳ lý do gì trước ngày cuối cùng của tháng thứ 18 (mười tám) kể từ khi nhận khoản hỗ trợ, thưởng gần nhất, DM có nghĩa vụ thanh toán lại cho Công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ đã nhận theo quy định tại Điều 2 Thỏa thuận trong vòng 5 (năm) ngày lịch kể từ ngày

Hợp đồng Đại lý và/hoặc Hợp đồng Quản lý Đại lý chấm dứt hiệu lực vì bất kể lý do gì trong thời hạn được hưởng hỗ trợ bên trên, DM có trách nhiệm hoàn trả lại cho công ty các khoản hỗ trợ đã nhận trước đó". Vì vậy ông E có trách nhiệm hoàn trả cho A khoản tiền hỗ trợ tài chính đặc biệt đã nhận là 206.959.285 đồng (đã trừ đi khoản quỹ đảm bảo ban đầu mà công ty đang giữ của ông E là 3.040.715 đồng). Mặc dù, từ năm 2018 đến nay A đã nhiều lần gửi thư yêu cầu, liên hệ và trao đổi với ông E về việc thanh toán lại cho A khoản tiền trên nhưng ông E không có thiện chí hoàn trả. Vì vậy, A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông E phải hoàn trả cho A toàn bộ số tiền 206.959.285 đồng, trả một lần.

* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông E đã được Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông E không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông E vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt ông E tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là tranh chấp “Hợp đồng dân sự” và bị đơn ông E đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Mỹ Thạnh, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ số tiền 206.959.285 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định về việc ông E có ký hợp đồng đại lý số SG2/PHL/HĐĐL/60008753 ngày 19/4/2017 và Hợp đồng quản lý đại lý số SG2/PHL/HĐĐL/60008753 ngày 19/4/2017 và Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho trường khu vực kinh doanh (DM) ngày 19/4/2017 với A. Phía nguyên đơn cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là hợp đồng đại lý số SG2/PHL/HĐĐL/60008753 ngày 19/4/2017 và Hợp đồng quản lý đại lý số SG2/PHL/HĐĐL/60008753 ngày 19/4/2017 và Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho trường khu vực kinh doanh (DM) ngày 19/4/2017 có thể hiện chữ ký của ông E. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông E không thực

hiện đúng theo như thỏa thuận, cụ thể từ tháng 10/2017 đến 10/2018 ông E không thực hiện bất kỳ hoạt động đại lý nào cho công ty, cũng không bán được bất kỳ sản phẩm nào; ông E không thực hiện hoạt động quản lý đội nhóm nhưng không có lý do. Do đó, căn cứ tại mục 1 phần IV của Chính sách thăng tiến và duy trì hợp đồng đại lý/hợp đồng quản lý đại lý; Điều 16.1, 16.2 của Điều kiện và điều khoản hợp đồng đại lý bảo hiểm quy định công ty có quyền chấm dứt hợp đồng đại lý trong trường hợp đại lý bảo hiểm không đáp ứng một hoặc các điều kiện duy trì hoạt động tư vấn bảo hiểm nên ngày 19/10/2018 A đã ban hành Thông báo đình chỉ Hợp đồng đại lý, Hợp đồng quản lý đại lý đối với ông E.

[4] Bị đơn E dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông E vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn ông E đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn ông E có nghĩa vụ trả, nhưng ông E đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không, điều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn ông E đã thừa nhận số tiền còn nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn ông E phải trả nên ông E không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ của nguyên đơn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Do ông E không thực hiện đúng thỏa thuận hai bên đã ký kết nên căn cứ vào quy định tại mục 3 của Thỏa thuận hỗ trợ hoạt động kinh doanh dành cho trường khu vực kinh doanh được hai bên ký kết ngày 19/4/2017 quy định trường hợp Hợp đồng đại lý/Hợp đồng quản lý đại lý bị chấm dứt vì bất kỳ lý do gì trong vòng 18 tháng kể từ ngày nhận khoản hỗ trợ tài chính lần sau cùng, trường khu vực kinh doanh có trách nhiệm hoàn trả lại cho công ty toàn bộ các khoản hỗ trợ tài chính đã nhận. Do đó, A yêu cầu ông E hoàn trả lại số tiền 206.959.285 đồng là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 427 của Bộ luật Dân sự.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn E có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn A số tiền 206.959.285 đồng.

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là $206.959.285 \times 5\% = 10.348.000$ đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 401; Điều 403; Điều 427; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A

Buộc bị đơn E có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn A số tiền 206.959.285 (Hai trăm lẻ sáu triệu chín trăm năm mươi chín nghìn hai trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông E phải chịu 10.348.000 đồng (Mười triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho A số tiền 5.173.982 đồng (Năm triệu một trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm tám mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002131 ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kim Thoa

